

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA

I. Thông tin chung về nhiệm vụ:

1. Tên nhiệm vụ, mã số:

- Tên nhiệm vụ: Luận cứ khoa học cho việc thiết lập và giải pháp quản lý hành lang bảo vệ bờ biển Việt Nam

- Mã số nhiệm vụ: KC.09.17/16-20

- Thuộc Chương trình: Chương trình KH&CN trọng điểm cấp quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 “Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ quản lý biển, hải đảo và phát triển kinh tế biển”, Mã số: KC.09/16-20.

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

- Xây dựng được luận cứ khoa học tin cậy cho thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển;
- Xác định được hành lang bảo vệ bờ biển, mức độ giới hạn các hoạt động phát triển tại hành lang Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung;
- Đề xuất được các giải pháp tổng thể quản lý hành lang bảo vệ bờ biển của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: PGS.TS. Đặng Văn Bào

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQGHN

5. Tổng kinh phí thực hiện: 6.800 triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 6.800 triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: 0 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng: 36 tháng

Bắt đầu: tháng 9/2017

Kết thúc: tháng 8/2020

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền (nếu có):

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ gồm:

Số TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Cơ quan công tác
1	Đặng Văn Bào	PGS.TS	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN
2	Trần Văn Trường	TS	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN
3	Phạm Quang Tuấn	PGS.TS	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN
4	Đỗ Thị Minh Đức	GS.TS	Hội Địa lý Việt Nam
5	Nguyễn Minh Huân	PGS.TS	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN
6	Nguyễn Xuân Huân	PGS.TS	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN
7	Lê Đình Mâu	TS	Viện Hải dương học, Viện HL KH&CN Việt Nam
8	Mai Thành Tân	TS	Viện Địa chất, Viện HL KH&CN Việt Nam
9	Ngô Văn Liêm	TS	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN
10	Nguyễn Thị Hà Thành	TS	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN
11	Đặng Kinh Bắc	TS	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

STT	Tên sản phẩm (đăng ký)	Đánh giá (Xuất sắc/Đạt/Không đạt)		
		Số lượng	Khối lượng	Chất lượng
1	Hệ cơ sở lý luận và thực tiễn cho thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển	Đủ	Đủ	Đạt
2	Đặc điểm phân hóa lãnh thổ trong mối liên quan với việc thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển Việt Nam	Đủ	Đủ	Đạt
3	Các tiêu chí và chỉ tiêu xác định hành lang bảo vệ bờ biển Việt Nam	Đủ	Đủ	Đạt
4	Luận cứ khoa học cho thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung	Đủ	Đủ	Đạt
5	Xác định mức độ giới hạn các hoạt động phát triển ở hành lang bảo vệ bờ biển của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung;	Đủ	Đủ	Đạt
6	Các giải pháp và mô hình quản lý hành lang bảo vệ bờ biển của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung	Đủ	Đủ	Đạt
7	Hệ thống CSDL và bộ bản đồ phân vùng, phân kiểu vùng bờ gắn với thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển Việt Nam;	Đủ	Đủ	Đạt

	Bộ bản đồ hành lang bảo vệ bờ biển của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung theo tỷ lệ phù hợp;			
8	Báo cáo tư vấn chính sách cho thiết lập và quản lý hành lang bảo vệ bờ biển Việt Nam	Vượt	Đủ	Đạt
9	Công bố: - 01 bài báo quốc tế có uy tín; - 5 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước.	Vượt (02 bài)	Đủ	Đạt
10	Đào tạo: - 03 thạc sĩ; - Hỗ trợ đào tạo 02 nghiên cứu sinh.	Vượt (01 thạc sĩ và 01 NCS)	Đủ	Đạt

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao:

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian dự kiến ứng dụng	Cơ quan dự kiến ứng dụng	Ghi chú
1	Các kết quả nghiên cứu mới về thiên tai (sạt lở bờ biển, biến động cửa sông, lũ lụt,...) trong phạm vi vùng bờ khu vực nghiên cứu trọng điểm	12/2020	Chi cục Biển và Hải đảo tỉnh Quảng Nam, Chi cục Biển và Hải đảo thành phố Đà Nẵng	
2	Bản đồ hành lang bảo vệ bờ biển khu vực Sơn Trà - Cửa Đại tỷ lệ 1:10.000.	12/2020	Chi cục Biển và Hải đảo tỉnh Quảng Nam, Chi cục Biển và Hải đảo thành phố Đà Nẵng	
3	Các giải pháp quản lý hành lang bảo vệ bờ biển: - Các giải pháp tổng thể cho thiết lập và quản lý hành lang bảo vệ bờ biển, chi tiết cho khu vực trọng điểm Sơn Trà - Cửa Đại; - Mô hình tích hợp quản lý tổng hợp vùng bờ và quản lý hành lang bảo vệ bờ biển.	12/2020	Chi cục Biển và Hải đảo tỉnh Quảng Nam, Chi cục Biển và Hải đảo thành phố Đà Nẵng	
4	Mô hình quản lý hành lang bảo vệ bờ biển dựa vào cộng đồng khu vực Cửa Đại (phường Cửa Đại và xã Cẩm Thanh), thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.	12/2020	Chi cục Biển và Hải đảo tỉnh Quảng Nam	
5	Các sản phẩm khoa học dạng II và Báo cáo tổng hợp	12/2020	Bộ Tài nguyên và Môi trường và các tỉnh/thành phố thuộc Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung	

1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng:

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian ứng dụng	Tên cơ quan ứng dụng	Ghi chú
1				

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

- Đã tổng quan khá đầy đủ về HLBVBB trên thế giới và thực tế thiết lập HLBVBB tại Việt Nam, từ đó đưa ra được cơ sở lý luận, đặc biệt là các tiêu chí, tiêu chuẩn cho thiết lập HLBVBB; cơ sở khoa học cho việc đánh giá biến động bờ biển trên cơ sở đường bờ trong; về hệ sinh thái đụn cát đặc biệt cần bảo vệ trong thiết lập HLBVBB;

- Xác lập được cơ sở thực tế cho thiết lập và quản lý HLBVBB trên cơ sở phân kiểu và phân vùng bờ biển. Bờ biển được phân chia theo 4 cấp: vùng bờ, phụ vùng, khu vực bờ và đoạn bờ, trong đó bờ biển Việt Nam được phân chia tới khu vực bờ (72 khu vực); bờ biển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung chia tới đoạn bờ với 500 đoạn thuộc 44 kiểu bờ khác nhau.

- Xây dựng được bộ tiêu chí và các chỉ tiêu cụ thể cho thiết lập HLBVBB Việt Nam gắn với đặc điểm và sự phân hóa lãnh thổ về điều kiện tự nhiên, tài nguyên (thiên nhiên và nhân văn), hệ sinh thái, kinh tế - xã hội và thiên tai theo 3 cấp: toàn dải bờ biển Việt Nam, bờ biển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và khu vực Sơn Trà – Cửa Đại.

- Xây dựng được bản đồ định hướng ưu tiên thiết lập HLBVBB Việt Nam (với 3 chức năng của HLBVBB) theo 72 khu vực bờ biển thuộc 17 phụ vùng, 6 vùng trong 3 đới bờ biển; bản đồ HLBVBB vùng kinh tế trọng điểm miền Trung với 500 đoạn và chi tiết cho khu vực Sơn Trà – Cửa Đại với 115 đoạn bờ với chiều rộng khác nhau;

- Đề xuất được một số giải pháp về hoàn thiện chính sách, đặc biệt là các văn bản pháp quy cho thiết lập và quản lý HLBVBB ở Việt Nam, trong đó giải pháp hoàn thiện chính sách được tách thành một báo cáo sản phẩm khoa học dạng II “*Báo cáo tư vấn chính sách cho thiết lập và quản lý hành lang bảo vệ bờ biển Việt Nam*”;

3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

a) Hiệu quả kinh tế

- Thiết lập HLBVBB vùng kinh tế trọng điểm miền Trung nhằm giảm thiểu thiệt hại do sạt lở bờ biển, ứng phó biến đổi khí hậu, nước biển dâng trên cơ sở các đường ranh giới HLBVBB lùi về phía lục địa với kịch bản cho 50 năm sẽ góp phần giảm nhẹ thiệt hại về kinh tế do thiên tai;

- Hành lang bảo vệ bờ biển được thiết lập đặc biệt chú ý tới quyền tiếp cận của người dân/cộng đồng với tài nguyên biển, sẽ tạo cơ hội cho sự phát triển du lịch tại các địa phương trên cơ sở giảm thiểu “cát cứ” bờ biển bởi các doanh nghiệp.

- Ranh giới HLBVBB được xây dựng chú ý tới nguyên tắc hài hòa giữa phát triển và bảo vệ, bảo tồn; giữa hài hòa lợi ích của nhà nước, doanh nghiệp và người dân, qua đó tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển hạ tầng du lịch theo đúng quy định.

b) Hiệu quả xã hội

- Hành lang bảo vệ bờ biển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và khu vực Sơn Trà – Cửa Đại đặc biệt chú ý tới mục tiêu đảm bảo quyền tiếp cận của người dân với biển, thể hiện khá rõ hiệu quả xã hội của đề tài;

- Việc xác định tính “bình đẳng” trong thiết lập HLBVBB (cả các khu vực cần thiết lập và ranh giới, chiều rộng HLBVBB) cho các kiểu bờ khác nhau (khu du lịch, khu dân cư,...) là hết sức cần thiết, là điểm mới, sáng tạo, có hiệu quả xã hội cao của đề tài.

- Các kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ được sử dụng để nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ giảng dạy tham gia đề tài thuộc Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN và các thành viên, đơn vị phối hợp; Công tác hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh, trực tiếp đào tạo cao học và đại học cho một số học viên, sinh viên các chuyên ngành phù hợp với nội dung nghiên cứu của đề tài.

- Sự hợp tác quốc tế và trao đổi kinh nghiệm là cơ hội hình thành nên các nhóm Nghiên cứu mạnh về quản lý tài nguyên, môi trường và thiên tai ở Đại học Quốc gia Hà Nội.

III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Về tiến độ thực hiện:

- Nộp hồ sơ đúng hạn
- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng
- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Xuất sắc
- Đạt
- Không đạt

Giải thích lý do: Các sản phẩm khoa học và công nghệ chính của nhiệm vụ đều đạt yêu cầu về số lượng, khối lượng và chất lượng so với hợp đồng và thuyết minh nhiệm vụ. Các sản phẩm dạng II, III và đào tạo sau đại học có vượt, song không nhiều.

Chủ nhiệm nhiệm vụ cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2020

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ

HIỆU TRƯỞNG *z*



PGS.TS. Đặng Văn Bào



PGS.TSKH. Vũ Hoàng Linh